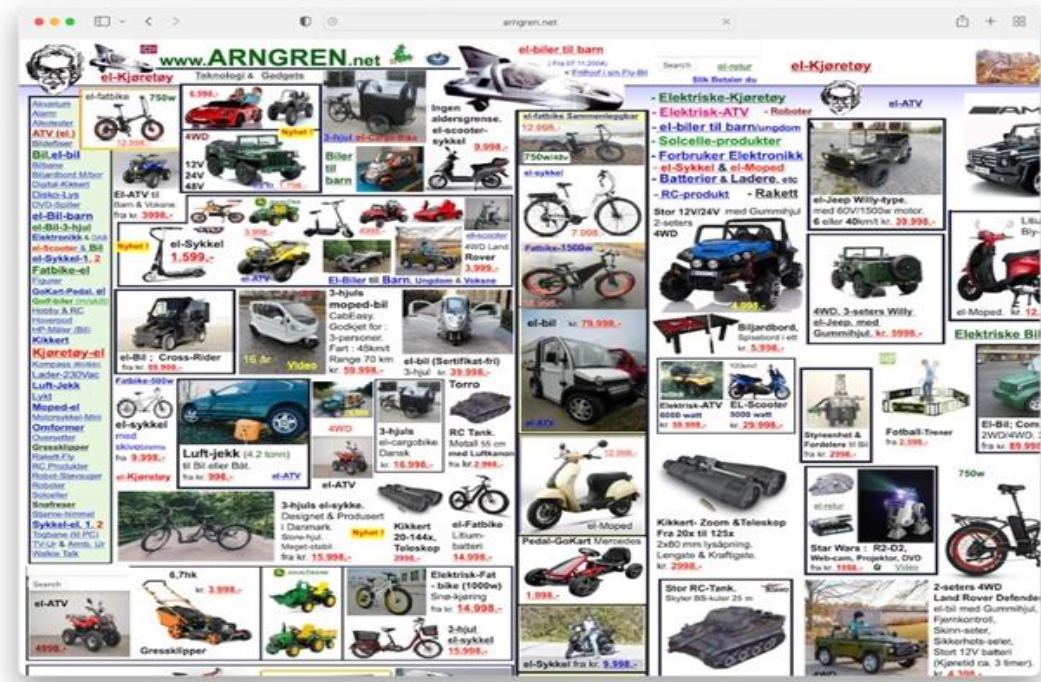


## Bài 1:



- Header rõ ràng
- Footer rõ ràng
- Sidebar
- Layout mansory thể hiện các dòng xe
- Mỗi xe là card
- Font chữ đồng bộ (không chân) – Roboto
- Kích cỡ chữ: bình thường 16px
- Các tiêu đề chính 32px
- Các tiêu đề phụ 24px
- Nhận xét tổng quan
  - Rối rắm
  - Không ra bố cục nào cả
  - Ảnh chèn lên ảnh không nhìn rõ
  - Header không rõ ràng
- Phân tích lỗi UI/ UX
  - Lỗi bố cục -> giải pháp: xây dựng layout mansory
  - Ảnh chèn lên ảnh không nhìn rõ ảnh
  - Màu sắc không đồng bộ
- Nguyên nhân tiềm ẩn
  - Bấm nhầm

- Nhìn rất khó chịu, rối mắt
- Đề xuất cải tiến
  - Đồng bộ màu chữ, phong chữ, kích cỡ
  - Giao diện tuân tực theo layout

Bài 2:

#### FROM SIGN IN

- Trường Email
  - Input
  - Label
  - Placeholder
  - Validate (empty, regex pattern)
- Trường Password
  - Input
  - Label
  - Placeholder
  - Validate (empty, regex pattern- ít nhất 1 chữ hoa, 1 chữ thường, 1 ký tự số)
  - Icon show Password
- Checkbox Remember me
  - Input
  - Label
- Link Forgot Password
  - Đường dẫn di chuyển đến
- Nút Sign In
  - Đường dẫn di chuyển đến đăng nhập
- Link To Sign Up
  - Đường dẫn di chuyển đến đăng ký

Bài 3:

#### UI LỌC SẢN PHẨM

- Lọc theo danh mục
  - Dropdown | Select
- Lọc theo giá tiền
  - Input
    - Checkbox
    - Input range
  - Label

- Tooltip
- Sắp xếp theo giá hoặc bán chạy nhất, mới nhất
  - Dropdown | Select
  - Icon sắp xếp ở bảng
- Nút lọc
  - Button bấm lọc
- Nút xoá lọc
  - Button xoá thông tin lọc
- Layout
  - Sidebar
  - Modal
  - Thanh tương tác
- Label và Icon
  - Thông tin về lọc
  - Kích cỡ chữ phù hợp
  - Màu sắc phù hợp

#### Bài 4:

STT	Mã đơn	Tên khách	Trạng thái	Chi tiết
1	DH1	Nguyễn Văn A	Hoàn thành	Chi tiết
2	DH2	Nguyễn Văn B	Đang xử lý	Chi tiết
3	DH3	Nguyễn Văn C	Hủy	Chi tiết
4	DH4	Nguyễn Văn D	Hoàn thành	Chi tiết
5	DH5	Nguyễn Văn E	Hoàn thành	Chi tiết
6	DH6	Nguyễn Văn F	Đang xử lý	Chi tiết
7	DH7	Nguyễn Văn G	Hủy	Chi tiết
8	DH8	Nguyễn Văn H	Hoàn thành	Chi tiết
9	DH9	Nguyễn Văn J	Hủy	Chi tiết
10	DH10	Nguyễn Văn K	Đang xử lý	Chi tiết

Trang trước
 1
 2
 3
 Trang sau

#### Bài 5:

#### FORM ĐĂNG KÍ NGƯỜI DÙNG

- Trường Họ tên

- Input | Text
- Cho phép người dùng nhập họ và tên đầy đủ.
- Không chứa ký tự đặc biệt hoặc số.
- Label “Họ tên”.
- Placeholder gợi ý tên người dùng.
- Hiện thị lỗi dưới ô nhập nếu để trống hoặc nhập sai định dạng.

#### - Trường Email

- Input | Email
- Kiểm tra định dạng email hợp lệ (có ký tự @ và dấu chấm).
- Label “Email”.
- Placeholder ví dụ: “example@example.com”
- Hiện thị thông báo lỗi nếu sai định dạng.

#### - Trường Mật khẩu

- Input | Password
- Ẩn ký tự khi nhập.
- Tối thiểu 8 ký tự, có ít nhất một ký tự đặc biệt.
- Icon “👁️” bật/tắt hiển thị mật khẩu.
- Label “Mật khẩu”.
- Hiện thị lỗi khi mật khẩu chưa đủ điều kiện.

#### - Chọn giới tính

- Dropdown | Select
- Cung cấp 3 lựa chọn: Nam – Nữ – Khác.
- Label “Giới tính”.
- Giá trị mặc định “Chọn giới tính”.
- Hiện thị lỗi nếu người dùng chưa chọn.

#### - Ảnh đại diện

- Input | File Upload
- Cho phép tải lên ảnh đại diện định dạng PNG hoặc JPG.
- Label “Ảnh đại diện”.
- Hiện thị tên hoặc hình ảnh sau khi tải lên.
- Hiện thị lỗi nếu định dạng không hợp lệ.

#### - Hiện thị lỗi nhập liệu

- Label | Text thông báo
- Ngay dưới từng ô nhập liệu.
- Nêu rõ nguyên nhân lỗi, ví dụ: “Email không hợp lệ”, “Mật khẩu quá ngắn”.

#### - Nút “Đăng ký”

- Button | CTA
- Là nút hành động chính trong form.
- Thực hiện kiểm tra dữ liệu trước khi gửi.
- Layout
  - Form dạng Card, căn giữa màn hình.
  - Các trường cách nhau đều (khoảng 16–20px).
  - Sắp xếp từ trên xuống theo thứ tự: Họ tên → Email → Mật khẩu → Giới tính → Ảnh đại diện → Nút đăng ký.
  - Desktop: hiển thị giữa màn hình.
  - Mobile: form co giãn, chiếm toàn chiều ngang.
- Label và Icon
  - Đặt phía trên ô nhập, ngắn gọn, rõ nghĩa.
  - Dùng trong ô mật khẩu (hiển thị/ẩn).
  - Có thể thêm ở nút đăng ký để tăng nhận biết.

Bài 6:

## DASHBOARD QUẢN TRỊ

- Tổng số người dùng
  - Thẻ thống kê (Card | Widget)
  - Hiển thị tổng số người dùng trong hệ thống (đã đăng ký hoặc đang hoạt động).
  - Có thể cập nhật dữ liệu theo thời gian thực.
  - Label: “Tổng số người dùng”.
  - Số liệu lớn, dễ nhìn
  - Có thể thêm icon minh họa
- Biểu đồ doanh thu
  - Chart | Column / Line chart
  - Hiển thị doanh thu theo tháng hoặc quý.
  - Dữ liệu trực quan, dễ đọc, có trục thời gian rõ ràng.
  - Tiêu đề: “Doanh thu theo tháng”.
  - Trục hoành (tháng/quý) và trục tung (đơn vị doanh thu).
  - Chú thích (Legend) thể hiện các nhóm dữ liệu nếu có.
  - Đặt ở giữa hoặc phía dưới khu vực thống kê.
- Danh sách đơn hàng gần đây
  - Bảng dữ liệu (Table | List)

- Hiển thị các đơn hàng mới nhất.
  - Các cột cơ bản gồm:
    - Mã đơn
    - Tên khách hàng
    - Trạng thái đơn hàng
    - Ngày tạo đơn
  - Thành phần hỗ trợ:
    - Label cho từng cột.
    - Dòng dữ liệu có thể sắp xếp hoặc cuộn.
    - Hiển thị 5–10 đơn gần nhất để gọn gàng.
  - Nằm ở phần dưới cùng của dashboard.
- Bố cục phân chia khu vực Layout | Grid / Flex layout
- Phân chia rõ 3 khu vực chính:
    - Thống kê người dùng (User Card)
    - Biểu đồ doanh thu (Chart)
    - Danh sách đơn hàng (Table)
  - Bố cục dễ quan sát, cân đối, khoảng cách giữa các phần hợp lý.
  - Thành phần hỗ trợ:
    - Tiêu đề tổng: “Bảng điều khiển quản trị” hoặc “Dashboard quản trị hệ thống”.
    - Lề và khoảng cách đều đặn giữa các khối nội dung.
- Tính năng mở rộng (tuỳ chọn)
- Biểu đồ phụ / Thẻ thống kê
  - Có thể thêm biểu đồ tỷ lệ người dùng theo khu vực hoặc ngành nghề.
  - Hiển thị tỷ lệ phần trăm hoặc dạng hình tròn (Pie chart).
- Layout
- Dạng Dashboard (chia theo khu vực hiển thị).
  - Phân bố đề xuất:
    - Hàng đầu: Tổng số người dùng (nổi bật).
    - Giữa: Biểu đồ doanh thu.
    - Dưới: Danh sách đơn hàng gần đây.
  - Responsive:
    - Trên Desktop: hiển thị theo dạng lưới (2–3 cột).
    - Trên Mobile: các phần xếp dọc tuần tự.
- Label và Icon
- Tiêu đề rõ ràng cho từng phần: “Người dùng”, “Doanh thu”, “Đơn hàng gần đây”.

- Dùng để minh họa nhanh cho từng loại dữ liệu
- Giúp giao diện dễ nhận diện và sinh động hơn.

## Bài 7:

### UI PHẢN HỒI NGƯỜI DÙNG

- UI chính
  - Layout | Trang chính người dùng
  - Hiển thị các chức năng quản lý tài khoản, trong đó có nút “Xóa tài khoản” đặt ở vị trí dễ nhận biết (thường cuối trang cài đặt).
  - Nút có label rõ ràng, kích thước vừa phải, dễ thao tác.
  - Khi người dùng nhấn, hệ thống hiển thị modal xác nhận.
- Modal xác nhận
  - Modal | Popup xác nhận
  - Hiển thị câu hỏi: “Bạn có chắc chắn muốn xóa tài khoản?” với hai nút hành động: “Đồng ý / Xóa” và “Hủy”.
  - Modal căn giữa màn hình, làm mờ nền để tập trung vào hành động chính.
  - Sau khi người dùng xác nhận, modal đóng và hiển thị toast thông báo.
- Toast thành công
  - Toast | Notification
  - Hiển thị ở góc phải màn hình với nội dung: “Tài khoản đã được xóa thành công!”
  - Tự động biến mất sau vài giây hoặc cho phép người dùng tắt thủ công.
- Phản hồi rõ ràng
  - Thứ tự hiển thị: Nhấn nút → Xuất hiện modal → Xác nhận → Hiển thị toast.
  - Thời gian hiển thị hợp lý, giúp người dùng dễ nhận biết kết quả thao tác.
- Layout & Icon
  - Modal nằm giữa màn hình, toast ở góc phải.
  - Các thành phần căn chỉnh đều, bố cục rõ ràng.
  - Sử dụng icon cảnh báo (⚠️) trong modal và icon xác nhận (✅) trong toast để tăng nhận diện hành động.

## Bài 8:

### PHÂN TÍCH TỐI ƯU UI CHO MOBILE

- Mục tiêu
  - Đảm bảo giao diện hiển thị tốt, dễ thao tác trên màn hình nhỏ.

- Giúp người dùng có trải nghiệm mượt mà và trực quan khi sử dụng trên thiết bị di động.
- Phạm vi áp dụng
  - Áp dụng cho các giao diện đã thiết kế trước (ví dụ: form đăng ký, trang sản phẩm, dashboard).
  - Thiết kế lại ở hai chế độ hiển thị: dọc (portrait) và ngang (landscape).
- Tối ưu giao diện mobile
  - Sắp xếp lại bố cục:
    - Chuyển các thành phần từ bố cục nhiều cột sang bố cục một cột dọc.
    - Giữ lại các nội dung chính, giảm khoảng cách dư thừa.
  - Co giãn nút bấm (CTA):
    - Kích thước nút lớn hơn, dễ thao tác bằng ngón tay.
    - Khoảng cách giữa các nút đủ rộng để tránh bấm nhầm.
  - Ẩn hoặc thu gọn phần không cần thiết:
    - Các chi tiết phụ có thể đưa vào menu thả xuống (dropdown) hoặc accordion.
    - Giữ lại các phần quan trọng nhất trên màn hình đầu tiên.
    - So sánh giao diện Desktop và Mobile
  - Desktop:
    - Hiển thị nhiều thành phần trên cùng một màn hình.
    - Có thể dùng nhiều cột, bảng, biểu đồ chi tiết.
  - Mobile:
    - Giảm số lượng thông tin hiển thị, chỉ giữ nội dung chính.
    - Các phần tử xếp dọc, scroll dọc.
    - Các thành phần phụ chuyển thành tab, menu hoặc ẩn tạm.
    - Điều chỉnh cụ thể khi chuyển sang mobile
  - Nút hành động (CTA):
    - Phóng to kích thước, full chiều ngang màn hình.
    - Giữ khoảng cách đều giữa các nút.
  - Trường nhập liệu:
    - Tự động co giãn theo chiều ngang màn hình.
    - Khoảng cách giữa các input đủ lớn để dễ chạm.
  - Thanh menu:
    - Chuyển sang menu icon (hamburger) để tiết kiệm không gian.
  - Văn bản và tiêu đề:
    - Giảm kích cỡ chữ một cách hợp lý để vừa màn hình.
    - Căn giữa hoặc canh trái tùy nội dung.
    - Bố cục và trải nghiệm người dùng



- Dạng một cột cho giao diện chính, nội dung sắp xếp tuần tự từ trên xuống.
- Các khối nội dung chia cách nhau bằng khoảng trắng hợp lý.
- Hạn chế thao tác phức tạp, ưu tiên chạm – cuộn – chọn.
- Giữ nhất quán về font, khoảng cách, kích thước nút giữa các chế độ hiển thị.